

Số 447-BC/ĐU

Bình Lư, ngày 12 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO

### tình hình thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sau 1 năm 6 tháng triển khai

-----

Thực hiện Công văn số 11-CV/CQTTBCĐ, ngày 04/6/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về việc báo cáo và tự đánh giá kết quả 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Lư báo cáo kết quả như sau:

#### Phần 1

### TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

##### 1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

##### *1.1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu*

Ban Thường vụ Đảng ủy xã xác định thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, khâu đột phá chiến lược của nhiệm kỳ 2025 - 2030, gắn chặt với mục tiêu xây dựng chính quyền số, công dân số, phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực quản trị địa phương trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Ngay sau khi thành lập xã, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 05-NQ/ĐU ngày 24/11/2025 về chuyển đổi số toàn diện; xác định rõ quan điểm “chuyển đổi số phải bắt đầu từ chuyển đổi tư duy, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, lấy hiệu quả thực chất làm thước đo”. Ban Thường vụ Đảng ủy đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, thành viên Ban Chỉ đạo; duy trì giao ban, kiểm điểm tiến độ thực hiện gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Đảng ủy đưa nội dung khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành nội dung thường xuyên trong chương trình công tác, các kỳ họp cấp ủy, các hội nghị giao ban và sinh hoạt chi bộ. 100% chi bộ trực thuộc lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào sinh hoạt định kỳ; cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong trong sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ công việc.

Cùng với đó, xã đã triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao nhận thức số trong cộng đồng; thành lập và duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo Công tác truyền thông, 35 Tổ công nghệ số cộng đồng; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn sử dụng VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh.

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy và người đứng đầu được phát huy rõ nét, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị; từng bước hình thành nền tảng quan trọng để Bình Lư thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và hướng tới hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC Bình Lư) trong thời gian tới.

***1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp***

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước trở thành nội dung xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; chuyển từ tư duy triển khai theo phong trào sang tư duy lấy hiệu quả thực chất làm thước đo.

Đối với cơ quan nhà nước, phương thức quản lý, điều hành từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch và dựa trên nền tảng số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng dữ liệu và các nền tảng số đã góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tham mưu, rút ngắn thời gian xử lý công việc, tăng cường khả năng phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Đối với người dân, việc tiếp cận các dịch vụ số ngày càng thuận lợi hơn; khoảng cách giữa chính quyền và người dân từng bước được thu hẹp thông qua môi trường số. Người dân ngày càng chủ động tiếp cận thông tin, sử dụng các nền tảng số trong thực hiện thủ tục hành chính, thanh toán, học tập, sản xuất và đời sống hàng ngày; góp phần hình thành từng bước công dân số tại địa phương.

Đối với các hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp, chuyển đổi số đã mở ra phương thức quảng bá, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm hiệu quả hơn; tạo điều kiện tiếp cận khách hàng ngoài địa bàn, nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hình thành tư duy kinh doanh trên môi trường số.

Những khó khăn, vướng mắc ban đầu về nhận thức, kỹ năng số, tâm lý e ngại công nghệ của một bộ phận cán bộ và Nhân dân từng bước được khắc phục; hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư; hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng,

phong trào “Bình dân học vụ số” và công tác truyền thông số đã góp phần lan tỏa mạnh mẽ tinh thần chuyển đổi số trong cộng đồng, tạo nền tảng quan trọng để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

*(Phụ lục II kèm theo)*

## **2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao**

Tổng số nhiệm vụ được giao: Năm 2025 là 92 nhiệm vụ; hoàn thành 92/92 nhiệm vụ đạt 100%.

Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: Không.

Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 01 nhiệm vụ chiếm 1,1%, nguyên nhân do Trung ương chưa chuyển giao phần mềm, dự kiến hoàn thành khi được cấp phần mềm.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Các nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đúng tiến độ, đạt mục tiêu đề ra, sản phẩm đầu ra rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

**3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP):**  
Không có.

## **II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**

Ngay sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng đồng bộ, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Trọng tâm là ban hành Nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số toàn diện; kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; xây dựng các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”, công tác truyền thông số và các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 43-QĐ/ĐU, ngày 06/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã quốc gia xã Bình Lư; Quyết định số 37-QĐ/ĐU, ngày 29/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo Công tác truyền thông xã Bình Lư; Kế hoạch số 09-KH/ĐU, ngày 06/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng xã Bình Lư; Kế hoạch số 10-KH/ĐU, ngày 06/8/2025 của Đảng ủy xã về thực hiện Chương trình hành động số 63-CT/TU ngày 27/02/2025 của của Tỉnh ủy Lai Châu về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kế hoạch số 11-KH/ĐU, ngày 06/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Kế hoạch số 12-KH/ĐU, ngày 06/8/2025 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã Bình Lư. Công văn số 183-CV/ĐU, ngày 25/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc tăng cường truyền thông, khơi dậy khát vọng và lan tỏa giá trị Bình Lư trong thời đại số. Kế hoạch số 32-KH/ĐU, ngày 20/10/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, quý IV năm 2025. Quyết định số 201-QĐ/ĐU, ngày 04/2/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Lư về Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Bình Lư. Kế hoạch số 104-KH/ĐU, ngày 25/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Lư về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Đề án số 1056/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Bình Lư Chuyển đổi số toàn

Việc ban hành kịp thời các nghị quyết, chương trình, kế hoạch và văn bản chỉ đạo đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số từ xã đến cơ sở; từng bước đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trở thành nội dung xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền và hoạt động của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội.

Thông qua quá trình triển khai, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân đối với chuyển đổi số tiếp tục được nâng lên; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu được phát huy; tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần đưa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước nhanh chóng đi vào thực tiễn.

Đối với các cơ chế đặc thù như cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn môi, đồng đầu tư, định giá dữ liệu, định giá tài sản trí tuệ, định giá sản phẩm nghiên cứu phát triển (R&D) và các cơ chế liên quan đến tài sản trí tuệ, xã Bình Lư không thuộc thẩm quyền ban hành hoặc tổ chức thực hiện.

*(Phụ lục IV kèm theo)*

### **III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

#### **1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)**

Số TTHC cấp xã đến nay: 399 thủ tục. Số hồ sơ tiếp nhận từ 01/7/2025 đến 31/5/2026 và lũy kế đến nay của cấp xã là 4.569 hồ sơ (trong đó: hồ sơ trực tuyến: 4.295, hồ sơ trực tiếp: 274).

Kết quả các chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT (theo Quyết định 766/QĐ-TTg, ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ): Thường xuyên theo dõi bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công quốc gia. Kết quả cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính: như thủ tục cấp bản sao hộ tịch được sử dụng hiệu quả; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VneID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan, địa phương: Tỷ lệ người dân sử dụng ứng dụng VneID trên các thủ tục hành chính đã tăng làm tăng tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp không cần phải đến cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ; giảm thời gian đi lại nhiều lần, giảm hồ sơ giấy.

*(Phụ lục V kèm theo)*

## **2. Về hạ tầng, kiến trúc số**

35/35 bản có internet cáp quang, 100% không còn vùng lõm sóng, mạng 4G, 5G phủ rộng đáp ứng nhu cầu truy cập. Trang bị chữ ký số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Số thôn, bản chưa có điện lưới và sóng di động: Không có.

Gửi nhận văn bản mật trên mạng diện rộng: Đã triển khai sử dụng hệ thống điều hành tác nghiệp có bảo mật.

## **3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực**

100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử với 3.902 văn bản năm 2025 và 2.107 văn bản trong 06 tháng đầu năm 2026. Tỷ lệ ký số đạt trên 90%. Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống tỉnh và Trung ương.

100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử, đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số. Số hóa tài liệu lưu trữ: Đạt trên 98% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Đánh giá nền tảng số: Các hệ thống cơ bản đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên còn tồn tại hạn chế về tốc độ, tính liên thông, tính ổn định.

*(Phụ lục VI kèm theo)*

## **4. Về dữ liệu số**

Xác định dữ liệu là nền tảng của chuyển đổi số, xã Bình Lư đã tập trung rà soát, chuẩn hóa, số hóa và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Địa phương đã kết nối, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong xác thực thông tin công dân, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được triển khai đồng bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã. Dữ liệu dân cư, hộ tịch, thủ tục hành chính và các dữ liệu chuyên ngành cơ bản bảo đảm nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống”. Các hệ thống thông tin được kết nối với nền tảng dùng chung của tỉnh và Trung ương, từng bước mở rộng chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa một số hệ thống chưa thực sự đồng bộ; một số lĩnh vực vẫn phải lưu trữ song song hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử. Khối lượng dữ liệu cần số hóa lớn trong khi nguồn lực đầu tư, nhân lực chuyên môn và hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và khai thác dữ liệu số trên địa bàn.

*(Phụ lục VII kèm theo)*

## **5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số**

Xã đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và Tổ công nghệ số cộng đồng; có 121 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân thông qua nền tảng học tập trực tuyến của tỉnh và các khóa học miễn phí về kỹ năng số, ứng dụng AI. Đến nay, 100% cán bộ, công chức có kỹ năng số cơ bản, sử dụng thành thạo máy tính, internet, phần mềm quản lý văn bản và các nền tảng số phục vụ công việc; từng bước hình thành thói quen ứng dụng AI trong xử lý nhiệm vụ chuyên môn.

Hiện nay, xã bố trí 01 công chức kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. Tuy nhiên, địa phương vẫn chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, trong khi khối lượng công việc và yêu cầu về chuyển đổi số ngày càng cao.

*(Phụ lục VIII kèm theo)*

## **6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số**

### **6.1. Về kinh tế số: Phát triển thị trường và hệ sinh thái chuyển đổi số: Không.**

#### **6.1.1. Kinh tế số**

Cấp ủy, chính quyền xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ và du lịch; khuyến khích người dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và thanh toán không dùng tiền mặt.

Mô hình “Chợ số” tại Chợ Tam Đường được triển khai hiệu quả, đến nay trên 95% hộ sản xuất, kinh doanh tại chợ đã sử dụng tài khoản thanh toán điện tử. Các hộ sản xuất, kinh doanh từng bước ứng dụng mã QR trong giới thiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; mở rộng tiêu thụ qua các nền tảng số và các sàn thương mại điện tử, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và giảm phụ thuộc vào khâu trung gian.

Trong lĩnh vực du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, homestay từng bước ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, giới thiệu điểm đến, sản phẩm OCOP và trải nghiệm du lịch cộng đồng trên các nền tảng mạng xã hội; góp phần mở rộng thị trường khách du lịch và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ.

Thành lập nhóm “Bình Lư Digital” nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận thương mại điện tử và chuyển đổi số trong kinh doanh. Đã tổ chức 05 buổi tập huấn với gần 1.000

lượt người tham gia về xây dựng kênh livestream bán hàng trên các sàn thương mại điện tử; hình thành hơn 20 nhà bán hàng có doanh thu ổn định trên nền tảng số. Trong quý I năm 2026, doanh số bán hàng thông qua hệ sinh thái Bình Lư Digital đạt trên 6,6 tỷ đồng. Bình Lư là một trong những xã được TikTok Shop Việt Nam lựa chọn xây dựng mô hình xã thương mại điện tử năm 2026. Hiện nay, địa phương đang triển khai xây dựng Làng nghề truyền thống miền đông Bình Lư trên nền tảng số.

Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong tiếp cận, giải quyết các thủ tục hành chính.

Phát triển kinh tế dữ liệu: Không có.

## **6.2. Xã hội số**

Quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh triển khai tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng; triển khai phổ biến các nền tảng số được sử dụng để phổ cập thông tin gồm: binhdanhocvuso.laichau.gov.vn; binhdanhocvuso.gov.vn; dangcongsan.vn... Kết quả, từ ngày 1/7/2025 Trang thông tin điện tử xã đã xây dựng hơn 100 tin bài với hơn 3.000 người truy cập; vận hành hệ thống 01 fanpage Thông tin điện tử xã Bình Lư với hơn 70.000 người theo dõi.

Việc phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng được triển khai với 35/35 bản được thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên. Các tổ đã trực tiếp hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng thiết yếu như VNeID, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác. Thông qua hoạt động của các tổ, đã có 630 hộ dân được hỗ trợ tiếp cận và sử dụng công nghệ số, góp phần đưa chuyển đổi số đến gần hơn với người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

Kết quả phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng dân cư đạt được nhiều chuyển biến tích cực người dân trưởng thành được trang bị kỹ năng số cơ bản, đạt khoảng 80%; trong đó khoảng 80% người dân có khả năng sử dụng các thiết bị thông minh và ứng dụng số phục vụ đời sống, 90% người lao động có kỹ năng số phục vụ công việc. Những kết quả này cho thấy xã hội số đang từng bước hình thành và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả lao động.

Việc ứng dụng công nghệ số trong đời sống xã hội ngày càng phổ biến, người dân đã từng bước sử dụng điện thoại thông minh để trao đổi thông tin, tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục và các tiện ích khác. Các nhóm Zalo, Facebook của bản được duy trì hiệu quả trong việc thông tin, điều hành và kết nối cộng đồng.

Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng tăng; nhiều hộ gia đình đã tiếp cận và sử dụng các nền tảng số như mạng xã hội, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt. Các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, hành chính công từng bước được số hóa; người dân có thể tra cứu thông tin, đăng

ký khám chữa bệnh, học tập trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính qua môi trường mạng.

#### **IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Lựa chọn bài toán lớn: Không có.

Thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo: Đang triển khai nghiên cứu.

Phát triển sản phẩm công nghệ: Không có.

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Đang nghiên cứu triển khai.

Công tác phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã bước đầu được quan tâm triển khai gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số, trong đó tập trung vào ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh được khai thác hiệu quả, 100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử, tỷ lệ ký số đạt trên 93,6%, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng công việc.

Xã đã khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống của tỉnh và Trung ương, phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước.

#### **V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS**

Năm 2025: Được UBND tỉnh giao nguồn vốn 500 triệu đồng để mua sắm, nâng cấp trang thiết bị làm việc cho Trung tâm phục vụ HCC.

Năm 2026: Chưa được bố trí nguồn kinh phí phục vụ cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Cơ chế quỹ: Không.

*(Phụ lục XII kèm theo)*

#### **VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, địa phương đã tích cực tuyên truyền, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tuy nhiên, do đặc thù là đơn vị hành chính cấp xã, không trực tiếp thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ nên việc triển khai chủ yếu thông qua tiếp nhận, khai thác các thành tựu khoa học công nghệ, các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và các chương trình, dự án do Trung ương, tỉnh và các cơ quan chuyên môn triển khai.

#### **VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Ưu điểm**

Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị

quyết số 57-NQ/TW nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và phục vụ Nhân dân. Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo được ban hành tương đối đầy đủ; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cơ quan, đơn vị được phát huy rõ nét trong tổ chức thực hiện.

Nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phong trào “Bình dân học vụ số”, hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng được triển khai thường xuyên, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số trong toàn xã hội.

Chuyển đổi số bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và quảng bá sản phẩm, du lịch địa phương. Hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư; dữ liệu số từng bước được chuẩn hóa; nền tảng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã đang dần được hình thành và phát triển.

## **2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế**

### ***2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc***

Hạ tầng công nghệ thông tin chưa thực sự đồng bộ; một số trang thiết bị đã xuống cấp, cấu hình thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác các nền tảng số. Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế trong khi yêu cầu số hóa, xây dựng dữ liệu và ứng dụng công nghệ ngày càng cao.

Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số chưa đồng đều. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân tham gia xã hội số ở một số thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

### ***2.2. Nguyên nhân***

Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế; một số hệ thống dùng chung, đường truyền và phần mềm chuyên ngành chưa thật sự ổn định, ảnh hưởng đến quá trình khai thác, sử dụng. Đội ngũ cán bộ phụ trách chuyển đổi số chủ yếu kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; trình độ, kỹ năng số của người dân chưa đồng đều.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

Một là, phải phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy và trách

nhiệm người đứng đầu; xác định chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

Hai là, chuyển đổi số phải bắt đầu từ chuyển đổi nhận thức và thay đổi tư duy. Công tác tuyên truyền, đào tạo, nâng cao kỹ năng số cần được thực hiện thường xuyên, liên tục; lấy cán bộ, đảng viên làm lực lượng tiên phong, người dân là trung tâm và là chủ thể tham gia quá trình chuyển đổi số.

Ba là, phải gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; lấy hiệu quả thực chất, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả thực hiện.

Bốn là, dữ liệu phải được xác định là tài nguyên quan trọng và là nền tảng của chuyển đổi số; cần đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa dữ liệu, từng bước chuyển từ phương thức quản lý truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Năm là, cần huy động sự tham gia của toàn xã hội, phát huy vai trò của các tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; đồng thời chủ động lồng ghép, huy động các nguồn lực để đầu tư hạ tầng số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

## **Phần 2**

### **HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ**

#### **I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ**

##### **1. Hành động đột phá: Xây dựng chính quyền số không giấy tờ ở cấp xã**

*Vấn đề giải quyết:* Trước năm 2025, việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc chủ yếu thực hiện trên giấy; thời gian luân chuyển chậm, khó theo dõi tiến độ, phát sinh chi phí in ấn, lưu trữ và chưa đáp ứng yêu cầu điều hành nhanh trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

*Giải pháp thực hiện:* Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo triển khai đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử; sử dụng chữ ký số đối với 100% cán bộ, công chức; thực hiện xử lý, phát hành văn bản điện tử và giao việc trên môi trường số. Tất cả nhiệm vụ được giao, theo dõi, đôn đốc, báo cáo tiến độ trên hệ thống điện tử thay cho phương thức thủ công trước đây.

*Cơ chế, nền tảng sử dụng:* Hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh. Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Hệ thống thư điện tử công vụ. Hạ tầng mạng nội bộ và Internet băng thông rộng.

*Nguồn lực và thời gian thực hiện:* Triển khai từ tháng 7/2025 đến nay. Sử dụng hạ tầng và phần mềm dùng chung của tỉnh, kinh phí đầu tư bổ sung thiết bị CNTT từ ngân sách nhà nước.

*Kết quả định lượng:* 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số. 100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) xử lý trên môi trường điện tử. Giảm trên 80% lượng văn bản giấy luân chuyển nội bộ. Rút ngắn thời gian xử lý văn bản từ 1-2 ngày xuống còn trong ngày.

*Tác động:* Nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành; tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính; tăng tính công khai, minh bạch; tạo nền tảng xây dựng chính quyền số cấp cơ sở.

*Khả năng nhân rộng:* Có thể áp dụng cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh với chi phí thấp do sử dụng nền tảng dùng chung.

*Vai trò người đứng đầu:* Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra tiến độ thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai.

*Đầu mối liên hệ:* Phòng Văn hoá - Xã hội xã.

## **2. Hành động đột phá: nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, lấy người dân làm trung tâm phục vụ**

*Vấn đề giải quyết:*

Người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến; rào cản về ngôn ngữ, kỹ năng số và khoảng cách địa lý làm phát sinh nhiều thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

*Giải pháp thực hiện:*

Kiên toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; đẩy mạnh hướng dẫn người dân thực hiện hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt; phát huy vai trò của 35 Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tại cơ sở.

Đồng thời, nghiên cứu xây dựng và triển khai thí điểm trợ lý ảo phục vụ người dân trên các nền tảng số, hỗ trợ tra cứu thông tin, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, giải đáp các câu hỏi thường gặp và hỗ trợ xử lý ngôn ngữ thông minh; từng bước tích hợp chức năng phiên dịch, chuyển đổi ngôn ngữ từ tiếng Mông, tiếng Thái sang tiếng phổ thông và ngược lại, góp phần giảm rào cản ngôn ngữ trong tiếp cận dịch vụ công.

*Cơ chế, nền tảng sử dụng:*

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Cổng Dịch vụ công; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; VNeID; các nền tảng thanh toán điện tử; nền tảng trí tuệ nhân tạo và trợ lý ảo phục vụ người dân.

*Nguồn lực và thời gian thực hiện:*

Triển khai thường xuyên từ năm 2025 đến nay; lồng ghép nguồn lực từ cải cách hành chính, chuyển đổi số và các nguồn xã hội hóa phù hợp.

*Kết quả định lượng:*

Tiếp nhận 4.569 hồ sơ, trong đó 4.295 hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 94%. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn và trước hạn đạt cao.

*Tác động:*

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao mức độ hài lòng của người dân; từng bước hình thành công dân số, xã hội số; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng dân cư; góp phần xây dựng nền hành chính thân thiện, hiện đại, lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

*Khả năng nhân rộng:*

Mô hình có thể áp dụng tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh, đặc biệt phù hợp với các địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khó khăn về khoảng cách địa lý và ngôn ngữ.

*Vai trò người đứng đầu:*

Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ đạo, giao chỉ tiêu, kiểm tra kết quả thực hiện hàng tháng; chịu trách nhiệm về chất lượng phục vụ người dân và kết quả chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

*Đầu mối liên hệ:*

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

*(Phụ lục XIII kèm theo)*

## **II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quốc gia thành công về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đều có sự chỉ đạo quyết liệt của người đứng đầu Chính phủ và các cấp chính quyền. Tại Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Ấn Độ, các chương trình chuyển đổi số quốc gia đều được lãnh đạo cấp cao trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và đánh giá thường xuyên; các mục tiêu, nhiệm vụ được lượng hóa cụ thể và gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

### **Phần 3**

## **MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHÉN**

### **I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT**

Mặc dù việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đạt được nhiều kết quả

tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa tạo được chuyên biến rõ nét, hiệu quả thực chất chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Công tác tuyên truyền đã được triển khai thường xuyên, đa dạng về hình thức. Tuy nhiên, ở một số thời điểm nội dung tuyên truyền còn nặng về phổ biến chủ trương, chính sách, chưa tập trung hướng dẫn kỹ năng và giải quyết các nhu cầu cụ thể của người dân, doanh nghiệp. Việc chuyển hóa từ nhận thức sang hành động thực tế còn chậm; tỷ lệ người dân chủ động khai thác, sử dụng thường xuyên các nền tảng số, dịch vụ số chưa cao. Một số mô hình chuyển đổi số sau tuyên truyền chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa mạnh trong cộng đồng.

### **2. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng**

Tổ công nghệ số cộng đồng đã phát huy vai trò hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số, tuy nhiên hiệu quả hoạt động giữa các địa bàn còn chưa đồng đều. Một số thành viên hoạt động kiêm nhiệm, thiếu thời gian và kỹ năng chuyên sâu; nội dung hoạt động chủ yếu vẫn tập trung vào hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng, chưa tham gia nhiều vào việc đồng hành, hỗ trợ người dân khai thác hiệu quả các dịch vụ số trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Việc duy trì hoạt động thường xuyên, đánh giá hiệu quả theo kết quả đầu ra ở một số nơi còn hạn chế.

### **3. Công tác số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên ngành**

Việc số hóa hồ sơ, dữ liệu đã được triển khai theo kế hoạch, tuy nhiên chất lượng khai thác dữ liệu chưa tương xứng với khối lượng dữ liệu đã được số hóa. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn phân tán, thiếu liên thông; việc sử dụng dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định còn hạn chế. Dữ liệu chủ yếu phục vụ yêu cầu quản lý và báo cáo, chưa thực sự trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ công tác quản trị và phát triển kinh tế - xã hội.

### **4. Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt**

Mặc dù tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt đạt cao, nhưng một bộ phận người dân vẫn thực hiện thông qua sự hỗ trợ của cán bộ hoặc Tổ công nghệ số cộng đồng. Số lượng người dân có khả năng tự thực hiện toàn bộ quy trình trên môi trường số chưa nhiều; kỹ năng số và thói quen sử dụng dịch vụ số trong cộng đồng chưa theo kịp tốc độ phát triển của hạ tầng và nền tảng số.

### **5. Ứng dụng dữ liệu số trong công tác quản lý, điều hành**

Việc ứng dụng dữ liệu số trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa thực sự trở thành phương thức quản trị chủ đạo. Nhiều hoạt động vẫn dựa trên báo cáo tổng hợp truyền thống; việc khai thác dữ liệu theo thời gian thực để phục vụ dự báo, giám sát,

đánh giá và hỗ trợ ra quyết định còn hạn chế. Chưa hình thành được các công cụ quản trị thông minh dựa trên dữ liệu phục vụ công tác điều hành của địa phương.

Những hạn chế trên cho thấy một số nhiệm vụ chuyển đổi số mới dừng ở việc hoàn thành quy trình, chỉ tiêu hoặc yêu cầu quản lý nhà nước; việc chuyển từ ứng dụng công nghệ thông tin sang quản trị dựa trên dữ liệu, từ hoàn thành nhiệm vụ sang tạo ra giá trị thực chất cho người dân và doanh nghiệp vẫn cần tiếp tục được tập trung thực hiện trong thời gian tới.

## **6. Kinh tế số**

Kinh tế số bước đầu hình thành nhưng chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng mới của địa phương. Phần lớn hoạt động chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh vẫn tập trung ở khâu bán hàng và quảng bá sản phẩm; việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị, quản lý chuỗi giá trị, phân tích dữ liệu khách hàng và phát triển mô hình kinh doanh số còn hạn chế. Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh khai thác hiệu quả các nền tảng số chưa nhiều; chưa hình thành được hệ sinh thái kinh tế số có khả năng dẫn dắt và lan tỏa trên địa bàn.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng: Không có.
2. Điểm nghẽn về thể chế: Không có.
3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số
3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

- Nội dung: Việc kết nối, chia sẻ và luân chuyển dữ liệu, văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị có thời điểm chưa thực sự thông suốt; một số phần mềm dùng chung còn phát sinh lỗi kỹ thuật, tốc độ xử lý chậm hoặc chưa đáp ứng yêu cầu khai thác đồng thời của nhiều người sử dụng. Việc chuyển đổi từ phương thức làm việc truyền thống sang môi trường số chưa đồng đều; một số quy trình vẫn phải thực hiện song song giữa hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử, làm giảm hiệu quả của chuyển đổi số.

- Nguyên nhân: Một số hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung do cấp trên triển khai chưa được nâng cấp đồng bộ, khả năng kết nối, liên thông và xử lý dữ liệu còn hạn chế; việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống chưa thực sự thông suốt.

- Trách nhiệm: Một số đơn vị cung cấp dịch vụ và nền tảng số chưa kịp thời hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục lỗi và nâng cấp hệ thống khi phát sinh vướng mắc từ cơ sở. Việc tham mưu bố trí nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; đến nay chưa được phân bổ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 theo kế hoạch.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Không có.
5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân: Năm 2026 không được phân bổ kinh phí thực hiện.
6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCCN và ĐMST: Không có
7. Các vấn đề khác có liên quan: Không có.

#### **Phần 4**

### **NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ**

#### **I. MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT, ĐÓNG GÓP CHO TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ**

##### **1. Phát triển kinh tế số nông thôn gắn với dữ liệu số, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử**

*Cơ chế tác động đến tăng trưởng:* Chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang sản xuất gắn với dữ liệu, công nghệ số và thị trường số; nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và tạo động lực tăng trưởng mới cho khu vực nông nghiệp, dịch vụ nông thôn.

*Tác động đến năng suất:* Việc ứng dụng công nghệ số, truy xuất nguồn gốc và quản lý sản xuất theo dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả quản lý vùng nguyên liệu, kiểm soát chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động và khả năng thích ứng với nhu cầu thị trường.

*Tác động đến TFP (năng suất các nhân tố tổng hợp):* Dữ liệu số, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và các nền tảng số giúp giảm chi phí giao dịch, giảm phụ thuộc vào khâu trung gian, nâng cao giá trị thương hiệu và hiệu quả sử dụng các nguồn lực sản xuất; góp phần cải thiện năng suất tổng hợp của nền kinh tế địa phương.

*Thu hút vốn tư nhân:* Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã và các nhà đầu tư tham gia phát triển các chuỗi sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản và phát triển sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số.

*Chuỗi giá trị được nâng cấp:* Thúc đẩy liên kết giữa người sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến, đơn vị phân phối và các nền tảng thương mại điện tử; từng bước hình thành chuỗi giá trị số đối với các sản phẩm đặc trưng của địa phương như miến dong, nông sản, sản phẩm OCOP và sản phẩm du lịch cộng đồng.

*Thị trường đầu ra:* Mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng thông qua các sàn

thương mại điện tử, nền tảng số và hoạt động livestream bán hàng; từng bước đưa sản phẩm địa phương tiếp cận thị trường ngoài tỉnh và thị trường toàn quốc, góp phần gia tăng doanh thu, thu nhập cho người dân và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của địa phương.

## **2. Phát triển du lịch gắn với chuyển đổi số**

*Cơ chế tác động đến tăng trưởng:* Chuyển đổi số giúp Bình Lư quảng bá hiệu quả các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa và các điểm đến đặc trưng như Ô Quy Hồ, Ròng Mây, Thác Tác Tình, Động Tiên Sơn, Nà Khan - Nà Phát trên môi trường số. Việc mở rộng khả năng tiếp cận du khách thông qua các nền tảng số góp phần gia tăng lượng khách, kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu của du khách và tạo động lực tăng trưởng cho khu vực dịch vụ - du lịch, lĩnh vực được xác định là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của địa phương.

*Tác động đến năng suất:* Việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, quản lý điểm đến, đặt phòng, thanh toán, chăm sóc khách hàng và kết nối dịch vụ giúp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở kinh doanh du lịch. Các hộ kinh doanh homestay, dịch vụ ăn uống, vận chuyển và bán sản phẩm đặc sản có điều kiện tiếp cận trực tiếp với khách hàng, mở rộng thị trường và nâng cao năng suất lao động.

*Tác động đến TFP (Năng suất các nhân tố tổng hợp):* Chuyển đổi số giúp khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực sẵn có của địa phương như cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa các dân tộc, sản phẩm OCOP và nguồn nhân lực cộng đồng. Việc kết nối các dịch vụ trên môi trường số tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn mà không đòi hỏi tăng tương ứng về lao động hay vốn đầu tư, qua đó nâng cao năng suất tổng hợp của nền kinh tế địa phương.

*Thu hút vốn tư nhân:* Hình ảnh và tiềm năng du lịch Bình Lư được quảng bá rộng rãi trên môi trường số sẽ nâng cao khả năng tiếp cận nhà đầu tư, tạo điều kiện thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư vào cơ sở lưu trú, khu trải nghiệm, du lịch cộng đồng, hạ tầng du lịch và các dịch vụ hỗ trợ du khách.

*Chuỗi giá trị được nâng cấp:* Chuyển đổi số giúp kết nối đồng bộ từ quảng bá điểm đến, đặt dịch vụ, lưu trú, ẩm thực, vận chuyển đến tiêu thụ sản phẩm OCOP, nông sản và hàng lưu niệm. Qua đó hình thành chuỗi giá trị du lịch giữa người dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh nghiệp, góp phần nâng cao giá trị của cả ngành du lịch và các ngành kinh tế liên quan.

*Thị trường đầu ra:* Thông qua các nền tảng số, mạng xã hội và các ứng dụng du lịch trực tuyến, các sản phẩm và dịch vụ du lịch của Bình Lư có điều kiện tiếp cận trực tiếp với du khách trong nước và quốc tế. Đây là cơ sở quan trọng để mở

rộng thị trường khách, nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến Bình Lư, tạo nguồn thu bền vững và đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của địa phương.

### **3. Phát triển kinh tế nông nghiệp xanh, sạch (mô hình nhà màng tại bản Tân Bình, Hưng Bình) gắn với chuyển đổi số tại xã Bình Lư**

**Cơ chế tác động đến tăng trưởng:** Việc phát triển các mô hình nhà màng tại bản Tân Bình và Hưng Bình góp phần hình thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch, chất lượng cao và có giá trị kinh tế lớn hơn trên cùng một đơn vị diện tích. Kết hợp ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ sản phẩm giúp nâng cao giá trị gia tăng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của địa phương.

**Tác động đến năng suất:** Việc ứng dụng hệ thống nhà màng, tưới tiết kiệm, giám sát môi trường canh tác và quản lý sản xuất theo quy trình số giúp giảm chi phí đầu vào, hạn chế rủi ro do thời tiết, nâng cao năng suất, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm. Đồng thời, giảm đáng kể nhu cầu lao động thủ công và nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất.

**Tác động đến TFP (Năng suất các nhân tố tổng hợp):** Mô hình nhà màng gắn với chuyển đổi số giúp sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực đất đai, lao động, vốn và khoa học công nghệ; tạo ra giá trị sản xuất cao hơn trên cùng một diện tích canh tác, góp phần nâng cao năng suất tổng hợp của nền kinh tế địa phương.

**Thu hút vốn tư nhân:** Hiệu quả của các mô hình nông nghiệp công nghệ cao là cơ sở để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ sản xuất đầu tư mở rộng quy mô sản xuất; thúc đẩy hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp công nghệ cao và các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

**Chuỗi giá trị được nâng cấp:** Chuyển đổi số hỗ trợ quản lý vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc bằng mã QR, kiểm soát chất lượng sản phẩm và kết nối tiêu thụ với các đơn vị phân phối, siêu thị, cửa hàng nông sản sạch và các sàn thương mại điện tử. Qua đó tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ.

**Thị trường đầu ra:** Các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch từ mô hình nhà màng có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Thông qua các nền tảng số và thương mại điện tử, sản phẩm có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, các mô hình nhà màng có thể kết hợp với hoạt động trải nghiệm nông nghiệp, giáo dục và du lịch cộng đồng, góp phần gia tăng giá trị kinh tế tổng hợp cho địa phương.

## **Phần 5**

## **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

### **I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026 theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, địa phương tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

#### **1. Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW**

Nội dung thực hiện: Tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy xã.

Cơ quan phối hợp: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các cơ quan chuyên môn.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hoàn thành các chỉ tiêu năm 2026 trước ngày 31/12/2026.

Kết quả đạt được: 100% nhiệm vụ được giao có đầu mối chịu trách nhiệm; 100% cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện.

Cơ chế theo dõi: Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND xã theo dõi, tổng hợp, báo cáo hằng tháng; tổ chức kiểm điểm tiến độ thực hiện hằng quý.

#### **2. Hoàn thiện hạ tầng số, nâng cao năng lực công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**

Nội dung thực hiện: Rà soát, nâng cấp hệ thống máy tính, máy in, máy scan, thiết bị mạng; đề xuất đầu tư bổ sung trang thiết bị đối với các vị trí còn thiếu hoặc thiết bị cấu hình thấp; từng bước triển khai sử dụng các phần mềm bản quyền phục vụ công việc.

Cơ quan chủ trì: UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế và các cơ quan liên quan.

Thời gian thực hiện: Quý III và Quý IV năm 2026.

Kết quả đạt được: 100% cán bộ, công chức được bảo đảm thiết bị phục vụ công việc; giảm tình trạng chậm xử lý công việc do hạn chế về thiết bị và hạ tầng kỹ thuật.

Cơ chế theo dõi: Kiểm tra, đánh giá hiện trạng thiết bị hằng quý; tổng hợp nhu

cầu đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

### **3. Nâng cao chất lượng dữ liệu số và hiệu quả khai thác cơ sở dữ liệu**

Nội dung thực hiện: Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, thủ tục hành chính và các dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Cơ quan chủ trì: UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Công an xã, các cơ quan và đơn vị liên quan.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành đợt rà soát trước ngày 30/11/2026.

Kết quả đạt được: Dữ liệu bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống"; tăng tỷ lệ khai thác dữ liệu trong giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công.

Cơ chế theo dõi: Định kỳ hằng tháng cập nhật, đối chiếu dữ liệu; báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã.

### **4. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển công dân số**

Nội dung thực hiện: Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và định danh điện tử; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân.

Cơ quan chủ trì: UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Công an xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các bản.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả đạt được: Duy trì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt từ 97% trở lên; tăng tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến; nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

Cơ chế theo dõi: Theo dõi số liệu trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá kết quả hằng tháng.

### **5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế địa phương**

Nội dung thực hiện: Tiếp tục triển khai số hóa ứng dụng công nghệ trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ các hợp tác xã, cơ sở sản xuất và doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm OCOP trên môi trường số; nghiên cứu hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Cơ quan chủ trì: UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Các hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

trên địa bàn.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trước ngày 31/12/2026.

Kết quả đạt được: Duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp và thu nhập của người dân.

Cơ chế theo dõi: Kiểm tra thực tế tại cơ sở; đánh giá kết quả theo từng quý và tổng hợp báo cáo cuối năm.

## **6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số**

Nội dung thực hiện: Tổ chức kiểm tra chuyên đề về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân chậm triển khai hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy, UBND xã.

Cơ quan phối hợp: Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, các cơ quan chuyên môn liên quan.

Thời gian thực hiện: Quý III và Quý IV năm 2026.

Kết quả đạt được: 100% nhiệm vụ được kiểm tra, giám sát theo kế hoạch; các khó khăn, vướng mắc được xử lý kịp thời; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Cơ chế theo dõi: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; tổ chức sơ kết, đánh giá tiến độ thực hiện theo tháng, quý và năm.

## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **Nhóm vấn đề đề nghị các bộ, ngành, tỉnh hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ**

**Vấn đề:** Một số hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung còn phát sinh lỗi kỹ thuật, tốc độ xử lý chậm hoặc quá tải vào giờ cao điểm; việc liên thông dữ liệu giữa các hệ thống chưa thực sự đồng bộ.

**Kính đề nghị:** Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, các bộ quản lý chuyên ngành tiếp tục rà soát, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

**Thời gian:** Trong năm 2026.

**Kết quả mong muốn:** Hệ thống hoạt động ổn định, giảm lỗi kỹ thuật, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính.

*(Có Phụ lục số XIV kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sau 01 năm 6 tháng triển khai của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Lư.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Sở Khoa học và Công nghệ,
- Thường trực Đảng ủy xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Nguyễn Tiến Thịnh**